



UNIT 1

NATIONALITIES AND CITIES

Lesson 1

Nǐ shì nǎ guó rén 你是哪国人

1. Can you say?



Nǐ shì nǎ guó rén?
你是哪国人?

Wǒ shì Zhōngguó rén.
我是中国人。



Měiguó

美国

the United States



Àodàliyà

澳大利亚

Australia



Jiānádà

加拿大

Canada



Yīngguó

英国

the United Kingdom



Fǎguó

法国

France



Hánguó

韩国

Republic of Korea



哪	nǎ	which
国	guó	nation, country
人	rén	person, people
中国	Zhōngguó	China



2. Can you try?



Tā shì nǎ guó rén?
他是哪国人?

Tā shì
他是.....



3. Do you know?



Do you know what they are?



They are Chinese knots.



4. Learn to read.



01-2

Dìtú zhēn fāngbiàn ,
地图真 方便，

A map is so handy,

tiāntiān dài shēnbiān .
天天 带 身边。

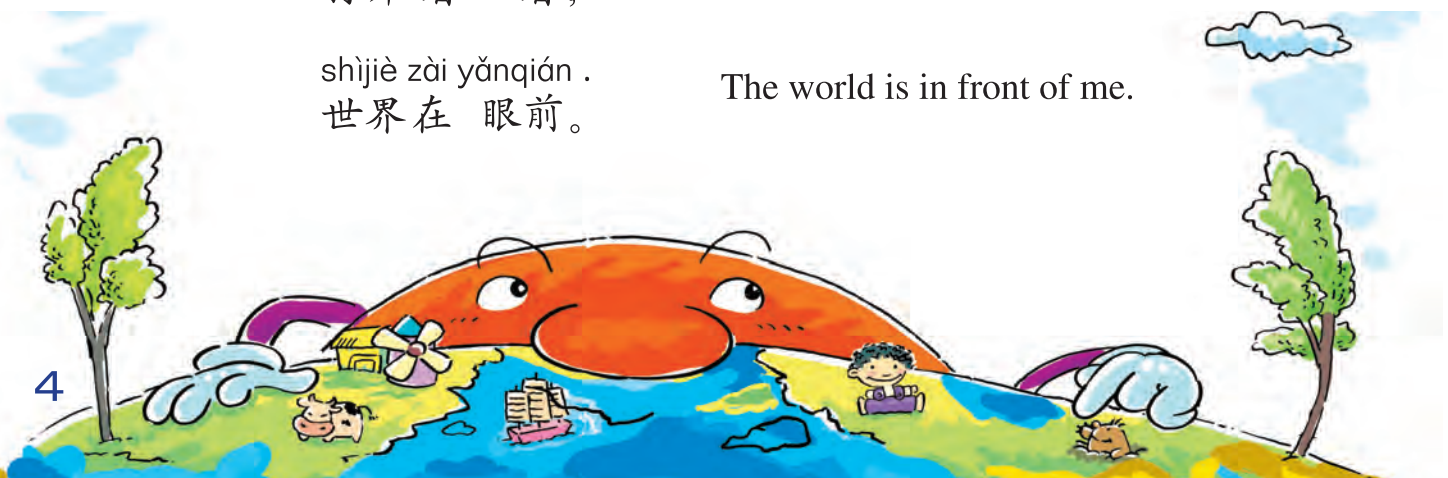
I take it with me every day.

Dǎkāi kàn yi kàn ,
打开 看 一 看，

Open it and have a look,

shìjiè zài yǎnqián .
世界 在 眼前。

The world is in front of me.



5. Learn to write.



6. Let's do it.



Making a Chinese Knot with Hands

